

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 15/2018/HS-ST
Ngày 19 tháng 6 năm 2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thành

Bà Nguyễn Thị Huyền

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Đinh Mạnh Tuyền - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-HS ngày 4 tháng 06 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đối với bị cáo:

Bùi Văn T, sinh năm 1984; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: xóm 12, đội 7, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông U và bà L; Vợ là Phạm Thị H; Con có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 29/11/2010, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Ngày 14/8/2014, Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 09 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” đã được xóa án tích. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 15/3/2018 đến ngày 24/3/2018 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an Hà Nam từ. Có mặt tại phiên tòa.

*** Các bị hại:**

- Chị Đinh Thị H, sinh năm 1984; Trú tại: xóm 15, xã S, huyện K, tỉnh Hà Nam; Vắng mặt có lý do.

- Ông Nguyễn Đình T1, sinh năm 1950; Trú tại: thôn H, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam. Có mặt

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1968; Trú tại: thôn K, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. Có mặt

- Anh Lê Văn P, sinh năm 1989; Trú tại: Tổ 11, phường P, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Có mặt

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Phạm Văn N, sinh năm 1987; Trú tại: tổ dân phố N, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định; Vắng mặt có lý do.

* *Người làm chứng:*

- Anh Phạm Văn S1, sinh năm 1990; Trú tại: Q, xã P, huyện G, tỉnh Nam Định; Vắng mặt có lý do.

- Bà Lại Thị P1, sinh năm 1965; Trú tại: tổ 11, phường P, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Có mặt

- Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1959; Trú tại: tổ 17, phường P, thành phố P, tỉnh Hà Nam; Vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2017 Bùi Văn T sinh năm 1984; Trú tại: xóm 12, đội 7, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định đã thực hiện một số hành vi, cụ thể:

Vào khoảng tháng 7 năm 2017, Bùi Văn T đi đến quán nước của bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1959 trú tại tổ 17, phường P, thành phố P ngồi uống nước, tại đây T làm quen với chị Đinh Thị H, sinh năm 1984, trú tại xóm 15, xã S, huyện K, tỉnh Hà Nam (chị H là con bà V), T tự giới thiệu với chị H là đang làm công nhân tại Công ty cám Thăng Long, đang thuê trọ gần khu vực nơi bà V bán quán nước. Sau đó T đứng dậy đi ra ngoài giả vờ nghe điện thoại, rồi quay lại quán nói với chị H cho mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dreme BKS 90B2-059.78 của chị H đang dựng ở cạnh quán để đi đón bạn đến ở trọ cùng. Do tin tưởng T nên chị H đã cho mượn xe mô tô. Sau khi mượn được xe, T điều khiển đi thẳng về quán sửa xe của anh Phạm Văn S1, sinh năm 1990, trú tại xóm Q, xã P, huyện G, tỉnh Nam Định và tại đây T đã bán chiếc xe mô tô BKS 90B2-059.78 cho một người đàn ông không biết tên tuổi, địa chỉ với giá 4.000.000đ, số tiền bán xe T sử dụng tiêu sài cá nhân hết. Không thấy T quay lại trả xe đã mượn, chị H đã làm đơn trình báo với Cơ quan Công an. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Nam đã tiến hành xác minh, truy tìm vật chứng nhưng không thu giữ được chiếc xe mô tô này.

Khoảng 13 giờ ngày 10 tháng 7 năm 2017 Bùi Văn T mua 01 bịch giấy vệ sinh, 01 quả dưa hấu, 10 chiếc móc treo quần áo cầm trên tay đi bộ đến nhà ông Nguyễn Đình T1, sinh năm 1950 ở thôn H, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam hỏi thuê phòng trọ và tự giới thiệu bản thân ở thành phố Hà Nội và đang làm công nhân tại Công ty sản xuất nước giải khát Numberone muốn thuê phòng trọ để ở, ông

T1 đồng ý cho T thuê với giá thỏa thuận 600.000đ/tháng. Sau khi thỏa thuận thuê phòng trọ xong, T đi ra ngoài giả vờ gọi điện thoại rồi quay vào nhà hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream BKS 90H5-2546 của ông T1 để đi mua đồ ăn. Do tin tưởng T nên ông T1 đã cho T mượn chiếc xe mô tô trên. Sau khi lấy được xe, T đi thẳng về Nam Định, trên đường đi T tháo BKS của xe mô tô vứt ở lề đường sau đó điều khiển xe đến quán sửa xe của anh Phạm Văn N, sinh năm 1987, trú tại tổ dân phố N, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định. T nói với anh N là có chiếc xe mô tô mua lại của một tiệm cầm đồ, không có giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và mới bị rơi biển kiểm soát đang cần tiền nên muốn bán. Do xe không có giấy tờ đăng ký không có biển kiểm soát nên anh N không mua. T lấy lý do đang cần tiền gấp và vay anh N 5.500.000đ xin gửi lại chiếc xe mô tô trên. Anh N đồng ý. Sau khi vay được tiền của anh N, T tiêu sài cá nhân hết. Không thấy T quay lại trả xe nên ông T1 làm đơn trình báo Công an.

Ngày 16 tháng 12 năm 2017, Bùi Văn T điều khiển xe đến nhà ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1968, trú tại thôn K, xã N, huyện L có phòng trọ cho thuê. T vào nhà ông S tự giới thiệu quê ở Hà Nội có nhu cầu thuê phòng trọ để ở, ông S đồng ý và thỏa thuận giá thuê phòng trọ là 1.000.000đ/tháng, đóng tiền 3 tháng/lần, T đồng ý rồi đi về. Khoảng 8 giờ ngày 17 tháng 12 năm 2017, T đi bộ đến nhà ông Nguyễn Văn S, khi vào nhà T quan sát tại sân nhà ông S có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha BKS 90B1- 444.50 chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện. T ngồi nói chuyện với ông S một lúc rồi đi ra ngoài lấy điện thoại di động vờ ấn số và nói qua điện thoại “Sao mà lâu thế, có mấy cái đồ, đứng ở ngã ba tao ra đón”, rồi quay lại nói với ông S “cho em mượn xe em ra đón người”, ông S nói “Xe để ngoài đây cứ lấy mà đi”. Khi được ông S cho mượn xe mô tô BKS 90B1- 444.50, T điều khiển xe đi thẳng về thành phố Nam Định bán cho đối tượng tên Thắng không biết địa chỉ, cụ thể với giá 3.000.000đ rồi dùng tiêu sài cá nhân hết. Do đợi lâu không thấy T quay lại để trả xe mô tô, ông S đã trình báo Công an.

Khoảng 10 giờ ngày 21 tháng 12 năm 2017 Bùi Văn T một mình đi đến nhà bà Lại Thị P1, sinh năm 1965 ở tổ 11, phường P, thành phố P, tỉnh Hà Nam hỏi thuê phòng trọ, bà P1 đồng ý cho T thuê với giá thỏa thuận 700.000đ/tháng. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, T quay lại nhà trọ nói với bà P1 muốn dọn đến ở ngay trong ngày, bà P1 đồng ý. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, anh Lê Văn P, sinh năm 1989 (là con trai bà P1) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream BKS 90H6-9689 của mình đi làm về cùng ông Lê Văn M và T tiếp tục dọn phòng trọ, khi đang dọn thì T giả vờ nghe, gọi điện thoại rồi hỏi mượn anh P chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream BKS 90H6-9689 để đi mua đồ dùng cá nhân. Do tin tưởng T nên anh P đã giao xe mô tô cho T mượn. Sau khi mượn được xe, T điều khiển xe về Nam Định bán cho đối tượng tên Thắng với giá 2.800.000đ rồi tiêu

sài cá nhân hết. Đợi lâu không thấy T quay lại để trả xe anh P đã làm đơn trình báo Công an.

Căn cứ vào các tài liệu thu thập ngày 15 tháng 3 năm 2018 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Nam đã ra lệnh bắt, khám xét khẩn cấp đối với đối tượng Bùi Văn T. Khám xét, thu giữ của Bùi Văn T 8.500.000đ, 01 điện thoại di động Nokia màu xanh, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO và 01 căn cước công dân số 036084001336; Thu của ông Nguyễn Đình T1 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS 90H5-2546; thu của ông Nguyễn Văn S 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS 90B1-444.50; thu của anh Lê Văn P 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS 90H6-9689; thu của anh Phạm Văn N 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Super Dream màu sơn nâu, không gắn BKS do anh N tự nguyện giao nộp.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Nam đã tiến hành định giá 04 chiếc xe mô tô gồm xe mô tô BKS 90H5-2546; xe mô tô BKS 90B1- 444.50; xe mô tô BKS 90H6 - 9689; xe mô tô BKS 90B2 - 059.78 mà Bùi Văn T đã chiếm đoạt của chị Đinh Thị H, anh Lê Văn P, ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Đình T1. Tại bản kết luận định giá tài sản số 03/2018/KL-ĐGTS ngày 23/3/2018 và số 07/2018/KL-ĐGTS ngày 27/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xe mô tô BKS 90B1 - 444.50 có giá trị là 11.000.000đ; chiếc xe mô tô BKS 90H6 - 9689 có giá 13.000.000đ; chiếc xe mô tô BKS 90H5 - 2546 có giá trị 8.500.000đ; chiếc xe mô tô BKS 90B2 - 059.78 có giá trị 23.000.000đ. Tổng giá trị tài sản của 4 chiếc xe mô tô là 55.500.000đ.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Nam đã tiến hành tra cứu đối với xe mô tô BKS 90B1 – 444.50; xe mô tô BKS 90H6 – 9689; xe mô tô BKS 90H5-2546; xe mô tô BKS 90B2 – 059.78. Tại các phiếu tra cứu xe máy vật chứng của Phòng PC52 – Công an tỉnh Hà Nam xác định các xe mô tô trên đều không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng.

Trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết, chị Đinh Thị H, anh Lê Văn P, ông Nguyễn Văn S yêu cầu Bùi Văn T phải bồi thường giá trị tài sản của 3 chiếc xe mô tô mà T đã chiếm đoạt tương ứng với số tiền mà Cơ quan chức năng đã định giá, ông Nguyễn Đình T1 đã nhận lại xe mô tô và không yêu cầu T bồi thường gì.

Với hành vi phạm tội nêu trên, tại Cáo trạng số 17/CT-VKS-P2 ngày 26 tháng 5 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đã truy tố Bùi Văn T theo điểm e khoản 2 Điều 139 BLHS 1999 về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Áp dụng điểm e khoản 2, khoản 5 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ

luật hình sự năm 2015. Xử phạt Bùi Văn T từ 4 đến 5 năm tù. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000đ đến 10.000.000đ sung quỹ nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Bùi Văn T phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị Đinh Thị H, anh Lê Văn P và ông Nguyễn Văn S. Tổng số tiền 47.000.000đ.

Vật chứng của vụ án: Trả lại cho bị cáo 2 chiếc điện thoại di động và số tiền 8.500.000đ xong giữ lại để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tang vật thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định: Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên Bùi Văn T, sinh năm 1984; Trú tại xóm 12, đội 7, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản dưới hình thức giả vờ đi hỏi thuê phòng trọ để tạo lòng tin với chủ nhà sau đó tạo cơ mượn xe mô tô của chủ nhà trọ mang đi tiêu thụ lấy tiền tiêu xài cá nhân. Cụ thể, trong thời gian từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2017 T đã thực hiện hành vi lừa lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dreme BKS 90B2-059.78 của chị Đinh Thị H, xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha BKS 90B1- 444.50 của ông Nguyễn Văn S, xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream BKS 90H6-9689 của anh Lê Văn P và xe mô tô nhãn hiệu Dream BKS 90H5-2546 của ông Nguyễn Đình T1 đều cư trú trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của những bị hại là 55.500.000đ. Hành vi của Bùi Văn T đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt, gây

bức xúc cho bị hại và làm mất trật tự trị an ở địa phương. Đặc biệt trong những năm gần đây các cơ quan pháp luật đã đưa rất nhiều vụ án về lừa đảo chiếm đoạt tài sản ra truy tố, xét xử công khai cho thấy hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản có chiều hướng gia tăng với những thủ đoạn ngày càng đa dạng, tinh vi, lợi dụng sơ hở, lòng tin của người dân rồi chiếm đoạt tài sản, sự việc đó đã và đang gây ra những thiệt hại nghiêm trọng về tài sản, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong nhân dân do đó đòi hỏi phải xử phạt thật nghiêm khắc đối với bị cáo, buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung. Qua phiên tòa hôm nay và những vụ án đã được xét xử trong thời gian qua mong những người dân cần nâng cao tinh thần cảnh giác, phát hiện tố giác các loại tội phạm này.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt bổ sung: Bị cáo Bùi Văn T không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu, năm 2010 bị cáo bị Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, năm 2014 bị Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 09 tháng tù đều về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” mặc dù đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó là bài học tu dưỡng bản thân, chịu khó lao động chăm lo gia đình mà ngày càng đi sâu vào con đường phạm tội. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 bị cáo được hưởng. Với các tình tiết được phân tích ở trên, Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét để quyết định hình phạt tương xứng đối với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Cần áp dụng mức hình phạt vừa nghiêm khắc và vừa đảm bảo tính nhân đạo của pháp luật để bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về hòa nhập với cộng đồng.

Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 139 Bộ luật hình sự đối bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Những bị hại có mặt tại phiên tòa và bị hại vắng mặt tại phiên tòa, lời khai của họ trong hồ sơ vụ án đều thể hiện bị cáo Bùi Văn T đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản là các xe mô tô như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra đã xác nhận, hiện xe mô tô của chị Đinh Thị H, Lê Văn P và Nguyễn Văn S chưa thu hồi được nay chị H, ông S, anh P yêu cầu bị cáo đền bù số tiền tương ứng với giá trị các xe mô tô tại thời điểm bị T chiếm đoạt. Bị cáo T đã thừa nhận và đồng ý trả cho những người bị hại số tiền tương ứng với số tiền Cơ quan chức năng định giá các xe mô tô mà bị cáo đã chiếm đoạt. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của những người bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật và buộc bị cáo Bùi Văn T phải bồi thường cho những người bị hại tổng số tiền 47.000.000đ. Cụ thể: bồi thường cho chị Đinh Thị H 23.000.000đ, anh Lê Văn P 13.000.000đ và ông Nguyễn Văn S 11.000.000đ.

Ngày 27/4/2018 Cơ quan CSĐT đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại ông Nguyễn Đình T1 chiếc xe mô tô Dream, ông Nguyễn Đình T1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo T bồi thường. HĐXX không xem xét phân trách nhiệm dân sự của bị cáo T đối với ông T1.

Đối với số tiền 5.500.000đ anh Phạm Văn N đã cho T vay, anh N không yêu cầu T phải hoàn trả số tiền trên và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[5] Người có quyền lợi, nghĩa V liên quan trong vụ án:

Khi Bùi Văn T lừa đảo chiếm đoạt được chiếc xe mô tô của ông Nguyễn Đình T1, xe nhãn hiệu Honda, loại xe Dream, màu sơn nâu, BKS 90H5-2546, T đi đến gặp N nói với N là mua lại của một cửa hàng cầm đồ, không có giấy chứng nhận đăng ký và đã bị rơi mất biển kiểm soát nên T cần bán gấp. Do không biết nguồn gốc chiếc xe do T để lại, anh N không mua mà chỉ cho T vay tiền. Căn cứ vào lời khai của anh N và bị cáo T, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Nam không xử lý Phạm Văn N là có căn cứ.

Trong vụ án còn có Phạm Văn S1, do không mua cũng không giới thiệu ai mua xe của T, không được hưởng lợi gì từ việc T bán xe, không biết nguồn gốc chiếc xe nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Nam không có căn cứ để xử lý đối với S1.

Theo lời khai của bị cáo T, thì bị cáo đã bán 02 chiếc xe mô tô đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn S và anh Lê Văn P cho người nam giới tên Thắng và cùng với một người nam giới T khai báo đã bán chiếc xe mô tô chiếm đoạt được của chị Đinh Thị H. Đến nay chưa xác định được nhân thân, lai lịch của các đối tượng này, Cơ quan CSĐT cần tiếp tục điều tra xác minh làm rõ và xử lý khi có đủ căn cứ.

[6] Về vật chứng vụ án và án phí:

Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Trả lại cho bị cáo Bùi Văn T 01 thẻ căn cước công dân; đối với 02 điện thoại di động và số tiền 8.500.000đ trả cho bị cáo xong giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn S và anh Lê Văn P đã nhận lại 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS 90B1-444.50 và giấy đăng ký xe mô tô BKS 90H6-9689.

Về án phí: Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm e khoản 2, khoản 5 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Xử phạt Bùi Văn T 4 (Bốn) năm

tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/03/2018. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) sung quỹ nhà nước.

2. Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Bùi Văn T phải trả cho những bị hại tổng số tiền 47.000.000đ (*Bốn mươi bảy triệu đồng*), cụ thể trả cho chị Đinh Thị H 23.000.000đ (*Hai mươi ba triệu đồng*), anh Lê Văn P 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*) và ông Nguyễn Văn S 11.000.000đ (*Mười một triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người bị hại có đơn yêu cầu cho đến khi thi hành xong khoản tiền bồi thường thiệt hại nêu trên thì hàng tháng bị cáo phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu xanh số IMEL 358610060926379; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO số IMEL 8630080365776773 và số tiền 8.500.000đ xong giữ lại số tiền để đảm bảo thi hành án, đồng thời trả bị cáo 01 thẻ căn cước công dân số 036084001336.

(Tình trạng đặc điểm vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng và Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử ngày 11/6/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam và Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam).

4. Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Bùi Văn T phải nộp: án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*), án phí dân sự sơ thẩm 2.350.000đ (*Hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, có quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai báo cho bị cáo, các bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Công an tỉnh Hà Nam;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Phòng NVHS Công an tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu HS, Tòa hình sự, Bộ phận HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lại Văn Phong